

## 3.3 Đánh số phiên bản

- Định danh/đánh số phiên bản
  - Một trong những hoạt động nền tảng của quản lý cấu hình.
  - Mục đích của định danh là để xác định tính duy nhất của một mục cấu hình (CI), cũng như mối quan hệ của nó với các CI khác.
  - Nó bao gồm việc mô tả tên, đánh số, đánh dấu đặc trưng, giúp nhận biết và phân biệt một CI với các CI hay thành phần khác.
- Một số phương pháp gán số hiệu phiên bản được dùng phổ biến:
  - Đánh số phiên bản bằng các con số (Sequence-based identifiers)
  - Đánh số hiệu phiên bản dựa theo mức độ ổn định của sản phẩm (Stage-based identifiers)

## 3.3 Đánh số phiên bản (2)

- Đánh số phiên bản bằng các con số
  - Sử dụng các con số (đôi khi kết hợp thêm các chữ cái) để gán số hiệu cho các phiên bản
  - Công thức đánh số hiệu phiên bản:  
**major.minor.[build [.revision]]** hoặc  
**major.minor [maintenance[.build]]**
  - Ý nghĩa các số major, minor, build, revision
    - major: Chuỗi phiên bản chính
    - minor: Chuỗi phiên bản phụ
    - build: Chuỗi phiên bản cấu tạo. Đánh dấu sự khác nhau trong cùng 1 phiên bản phụ, 2 chữ số
    - revision: Lần sửa đổi, đánh dấu lần sửa đổi của mã nguồn

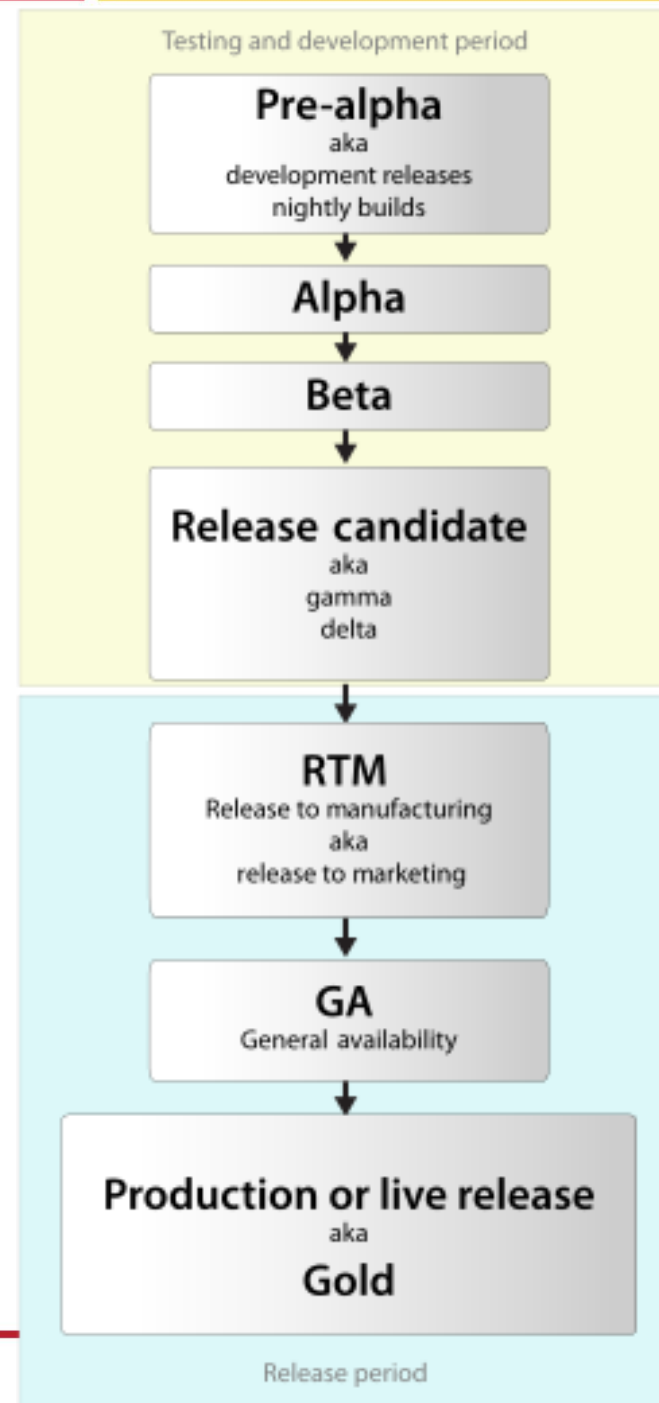
# Ví dụ: mô hình định danh 3 chữ số

<u>MUE.0.0.1:Release</u>	Alpha test release
<u>MUE.1.0.0:Release</u>	First major release
<u>MUE.1.2.1:Release</u>	Second minor release with bug fixes
<u>MUE.2.0.3:Release</u>	Second major release with three series of bug fixes

## 3.3 Đánh số phiên bản (3)

- Đánh số hiệu phiên bản dựa theo mức độ ổn định của sản phẩm, sử dụng các tên gọi:
  - Closebeta: Phiên bản thử nghiệm hạn chế
  - Openbeta: Phiên bản thử nghiệm diện rộng
  - Release Candidate (RC): phiên bản ứng viên
  - Official version: phiên bản chính thức
  - ...

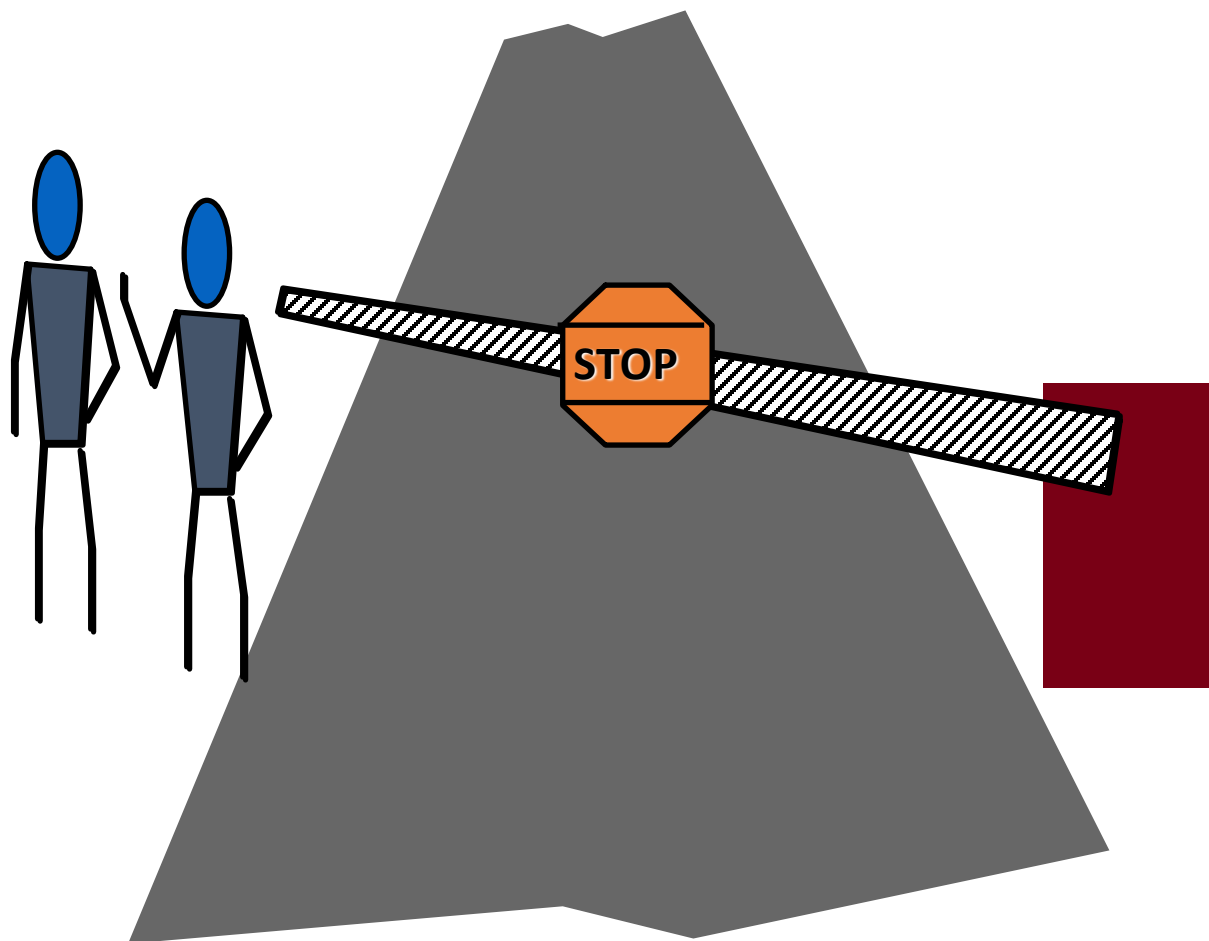
Ví dụ: mô hình tên phiên bản theo độ ổn định của sản phẩm



# Nội dung

1. Khái niệm quản lý cấu hình phần mềm
2. Quy trình quản lý cấu hình phần mềm
3. Quản lý phiên bản
- 4. Quản lý thay đổi**

# Quản lý thay đổi



# Quản lý thay đổi (2)

- Các yêu cầu của tổ chức thay đổi trong suốt thời gian tồn tại của hệ thống, các lỗi phải được sửa chữa và các hệ thống phải thích ứng với những thay đổi trong môi trường của chúng.
- **Quản lý thay đổi** nhằm đảm bảo rằng sự phát triển của hệ thống là một quá trình được quản lý và ưu tiên dành cho những thay đổi cấp bách nhất và tiết kiệm chi phí.
- Quá trình quản lý thay đổi liên quan đến việc **phân tích chi phí và lợi ích** của những thay đổi được đề xuất, **phê duyệt** những thay đổi đáng giá và **theo dõi** những thành phần nào trong hệ thống đã được thay đổi.



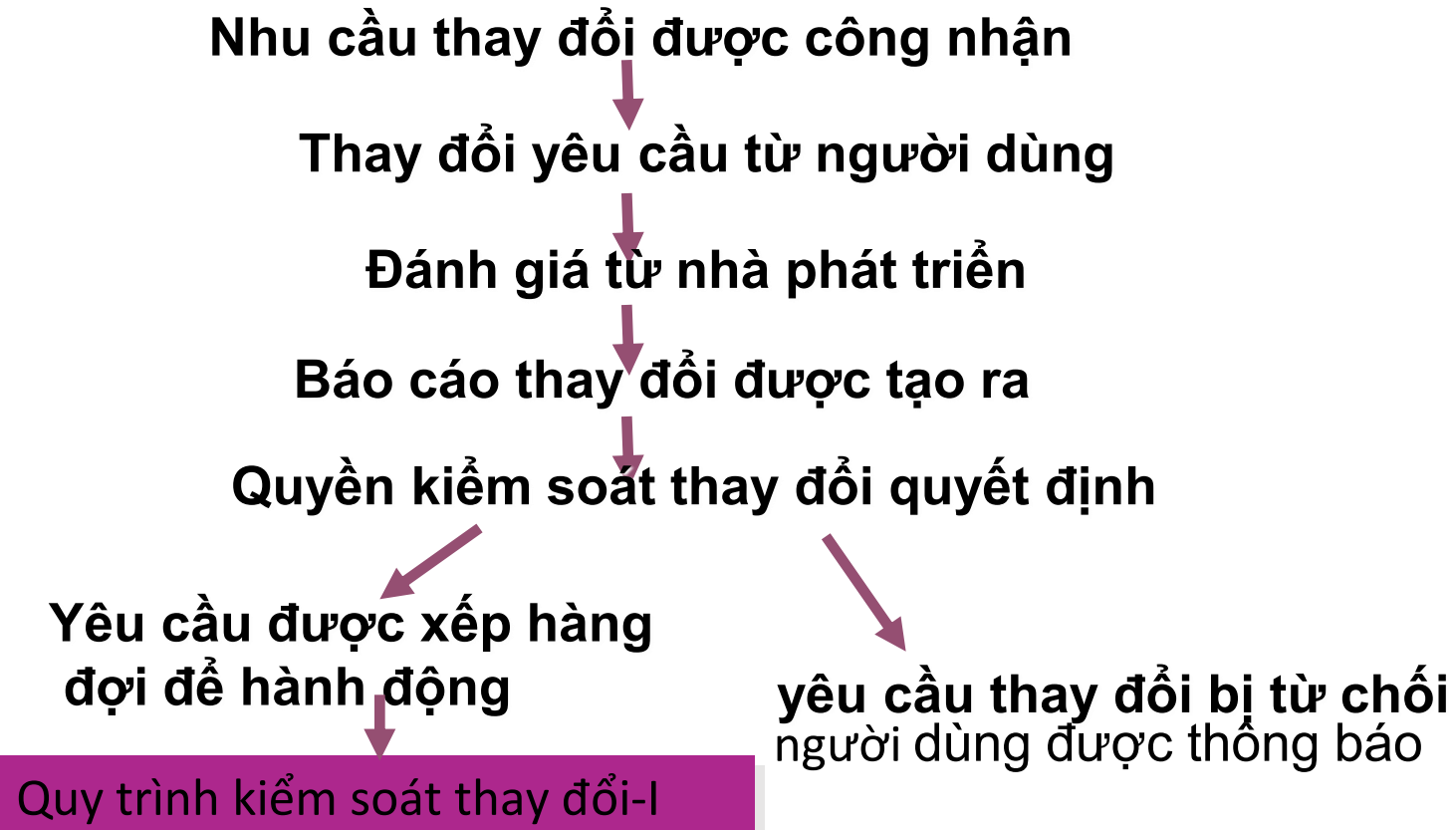
# Quản lý thay đổi (3)

- Mức độ phức tạp của quy trình quản lý thay đổi thay đổi theo dự án.
- Các dự án nhỏ có thể thực hiện các yêu cầu thay đổi một cách không chính thức và nhanh chóng trong khi các dự án phức tạp yêu cầu các biểu mẫu yêu cầu thay đổi chi tiết và sự chấp thuận chính thức của một người quản lý khác.

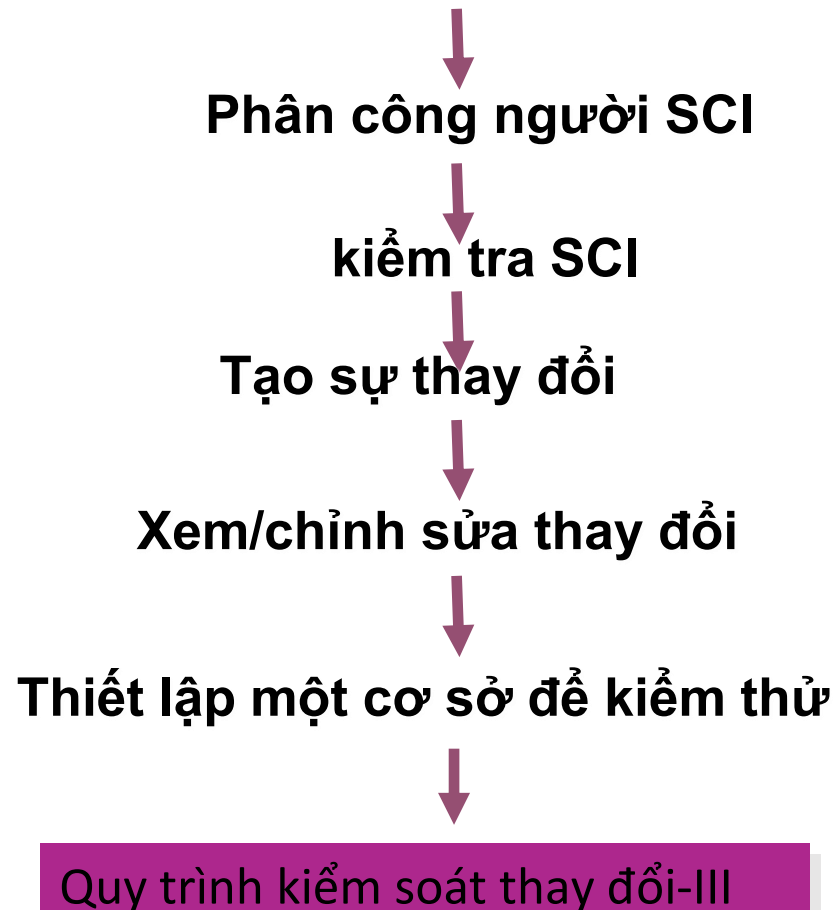
# Quy trình quản lý thay đổi

- Thay đổi được yêu cầu (có thể được thực hiện bởi bất kỳ ai bao gồm cả người dùng và nhà phát triển)
- Yêu cầu thay đổi được đánh giá dựa trên các mục tiêu của dự án
- Sau khi đánh giá, thay đổi được chấp nhận hoặc bị từ chối
- Nếu nó được chấp nhận, thay đổi được chỉ định cho người phát triển và được triển khai
- Thay đổi đã thực hiện được kiểm tra.

# Quy trình quản lý thay đổi (2)



# Quy trình quản lý thay đổi (3)



# Quy trình quản lý thay đổi (3)

